

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ CAI LẬY  
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc Lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 107/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 19/11/2020

*V/V tranh chấp “Ly hôn,  
nuôi con chung”*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CAI LẬY-TỈNH TIỀN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa:* Ông **Nguyễn Minh Cảnh**.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông **Đoàn Văn Phôi**.

2. Bà **Đặng Thị Tiềm**.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Tăng Thị Điền – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Cai Lay, tỉnh Tiền Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Cai Lay tham gia phiên tòa:* Bà **Nguyễn Thị Liễu** – Kiểm sát viên.

Trong ngày 19 tháng 11 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Cai Lay đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 296/2020/TLST- HNGĐ ngày 08 tháng 10 năm 2020 về việc tranh chấp “Ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 110/2020/QĐXXST- HNGĐ ngày 28 tháng 10 năm 2020 giữa các đương sự:

\* *Nguyên đơn:* Bà **Lê Thị Ch**, sinh năm 1984;

Địa chỉ: Ấp Mỹ Vĩnh, xã Long Khánh, thị xã Cai Lay, tỉnh Tiền Giang.

\* *Bị đơn:* Ông **Mai Thanh S**, sinh năm 1979;

Địa chỉ: Ấp Thanh Hưng, xã Thanh Hòa, thị xã Cai Lay, tỉnh Tiền Giang.

(Chị Ch, anh S có đơn xin xét xử vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* *Tại đơn khởi kiện ngày 07/9/2020 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Lê Thị Ch trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Mai Thanh S kết hôn do mai mối, có tổ chức lễ cưới năm 2008, không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng đầu năm 2009 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau, cuộc sống không hạnh phúc. Nguyên nhân là do không hợp nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Bà và ông S đã ly thân và cắt đứt quan hệ vợ chồng từ đầu năm 2009 cho đến nay. Nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà và ông Mai Thanh S.

- Về con chung: Có 01 con chung Mai Thị Thanh H, sinh ngày 07/11/2008. Khi ly hôn, bà yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.

*\* Tại bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án ông Mai Thanh S trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Lê Thị Ch là vợ chồng không có đăng ký kết hôn. Trong thời gian chung sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Mặc dù đã cố gắng hàn gắn tình cảm nhiều lần nhưng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Chính vì vậy ông đồng ý ly hôn với bà Lê Thị Ch.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Mai Thị Thanh H, sinh ngày 07/11/2008. Ông đồng ý giao con chung cho bà Ch nuôi dưỡng, ông không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*\* Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:*

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng tuân theo đúng pháp luật tố tụng.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Ông S và bà Ch đã thống nhất thỏa thuận ly hôn, về hôn nhân đề nghị HĐXX không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông S và bà Ch, giao con chung là Mai Thị Thanh H, sinh ngày 07/11/2008 cho bà Lê Thị Ch chăm sóc nuôi dưỡng, ông S không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung không xem xét do các đương sự không có yêu cầu.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn bà Lê Thị Ch và bị đơn ông Mai Thanh S có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử trong trường hợp vắng mặt bà Ch, ông S tại phiên tòa là phù hợp.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Ly hôn, nuôi con chung”, bị đơn ông Mai Thanh S có hộ khẩu thường trú tại ấp Thanh Hưng, xã Thanh Hòa, thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Ông Mai Thanh S và bà Lê Thị Ch chung sống vợ chồng vào năm 2008, nhưng không có đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình; điểm c khoản 3 Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội; Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT ngày 03/01/2001 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát

nhân dân tối cao và Bộ tư pháp. Nên pháp luật không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Mai Thanh S và bà Lê Thị Ch.

[4] Về con chung: Quá trình chung sống ông S và bà Ch có 01 con chung tên Mai Thị Thanh H, sinh ngày 07/11/2008 (hiên nay đang sống với bà Ch). Ông S và bà Ch thống nhất thỏa thuận giao con chung là cháu H cho bà Ch trực tiếp nuôi dưỡng, ông S không phải cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, sự thỏa thuận của ông S và bà Ch về người trực tiếp nuôi dưỡng con chung là tự nguyện, phù hợp với nguyện vọng của cháu H và khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Ông S và bà Ch thống nhất khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Bà Lê Thị Ch phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Xét ý kiến Viện kiểm sát nhân dân thị xã Cai Lậy phù hợp nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ Điều 227, Điều 228, Điều 271; Điều 272 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 9, khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ điểm c khoản 3 Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội; Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT ngày 03/01/2001 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao và Bộ tư pháp;

- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

### **Tuyên xử:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Mai Thanh S và bà Lê Thị Ch.

2. Về con chung: Giao con chung tên Mai Thị Thanh H, sinh ngày 07/11/2008 cho bà Lê Thị Ch trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, ông Mai Thanh S không phải cấp dưỡng nuôi con do bà Ch không có yêu cầu và ông S có quyền tới lui thăm nom, chăm sóc con chung.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Bà Lê Thị Ch phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Bà Ch đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0000867 ngày 05 tháng 10 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang. Nên bà Ch đã nộp xong án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Ông Mai Thanh S và bà Lê Thị Ch có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND thị xã Cai Lậy;
- Chi cục THADS thị xã Cai Lậy;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

(Đã ký)

**Nguyễn Minh Cảnh**